

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG DÂN HIỆN NAY

TRẦN AN PHONG*

CAO ĐỨC PHÁT**

Phát triển nông thôn là công cuộc to lớn đang được Nhà nước cũng như các cấp, các ngành quan tâm. Để góp phần xác định các cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chiến lược và chính sách về phát triển nông nghiệp và nông thôn trong 3 năm 1989-1991, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp đã tiến hành điều tra tại 26 huyện thuộc các vùng khác nhau trong cả nước với trọng tâm là nghiên cứu về thực trạng kinh tế của các hộ gia đình nông dân, những khó khăn, hạn chế của họ và giải pháp phát triển. Đồng thời đã nghiên cứu đánh giá về điều kiện kinh tế-xã hội chung ở các xã điểm, các huyện nhằm tìm hiểu "môi trường" hoạt động của các nông hộ, phản ứng của họ đối với những thay đổi "môi trường". Viện đã cử số lượng lớn cán bộ được huấn luyện chuyên sâu trực tiếp phỏng vấn gần 3.000 hộ nông dân. Kết quả điều tra đã được xử lý.

1. Điều kiện sản xuất của hộ gia đình nông dân.

Từ sau Nghị quyết 10, gia đình nông dân trở thành đơn vị sản xuất cơ sở tương đối tự chủ.

Bình quân 1 hộ gia đình ở đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Trung Bộ có 6-7 nhân khẩu, 3-4 lao động; ở trung du, miền núi phía Bắc, 1 hộ có 5-6 nhân khẩu, 2-3 lao động; ở đồng bằng sông Hồng và Khu IV cũ, 1 hộ có 4-5 nhân khẩu, 1-3 lao động.

Đa số chủ hộ là nam giới (70-80%), trình độ văn hóa trung bình ở đồng bằng sông Hồng là lớp G-7; Khu IV cũ, trung du, miền núi phía Bắc và duyên hải Trung Bộ là lớp 5-6; đồng bằng sông Cửu Long là lớp 3-4.

Diện tích canh tác trung bình của một hộ ở các tỉnh phía Bắc 0,8-0,4 ha, duyên hải Trung Bộ

0,4 - 0,6 ha, đồng bằng sông Cửu Long 0,6-1,0 ha. ở các tỉnh phía Bắc, ruộng đất đã ít lại thường phân chia manh mún, bình quân 1 hộ có tới 5-10 mảnh. ở nhiều vùng có sự chênh lệch về bình quân ruộng đất cho nhân khẩu (ở Thanh Hóa có nơi tới 3-6 lần).

Ở Cao Bằng và những nơi đã giải tán hợp tác xã, nông dân lấy lại ruộng góp vào trước đây làm cho một số nông dân không có hoặc thiếu ruộng để làm ăn sinh sống.

Công cụ lao động của nông dân chủ yếu là thô sơ, gồm: cày, bừa, gầu tát nước, trâu bò cày kéo (50% hộ có). Một số hộ có máy phun thuốc, máy tuốt lúa, máy bơm nước (ở đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Trung Bộ), rất ít hộ ở đồng bằng sông Cửu Long có máy cày. Với những đặc trưng như trên, có thể coi đa số nông hộ của nước ta là các nông hộ nhỏ.

2. Thu nhập của nông dân.

Từ sau Nghị quyết 10, thu nhập và đời sống của nông dân được nâng cao. Năm 1990 đạt khoảng 300.000 đ/người. Có sự chênh lệch đáng kể về mức thu nhập giữa các vùng: ở trung du, miền núi phía Bắc và Khu IV cũ đạt 150.000 - 250.000 đ/người; đồng bằng sông Hồng 200.000 - 300.000 đ/người; duyên hải Nam Trung Bộ 300.000 - 400.000 đ/người; đồng bằng sông Cửu Long 400.000 - 500.000 đ/người. Có sự phân hóa ngày càng rõ rệt giữa các hộ ở nông thôn. ở Thanh Hóa, mức thu nhập giữa 10% nghèo nhất và 10% giàu nhất ở nhiều nơi chênh nhau tới hơn 10 lần. Thu nhập bình quân ở huyện Lập Thạch - Vĩnh Phú 170.000 đ/người/năm, ở huyện Tháp Mười - Đồng Tháp đạt trên 1.000.000 đ/người/năm.

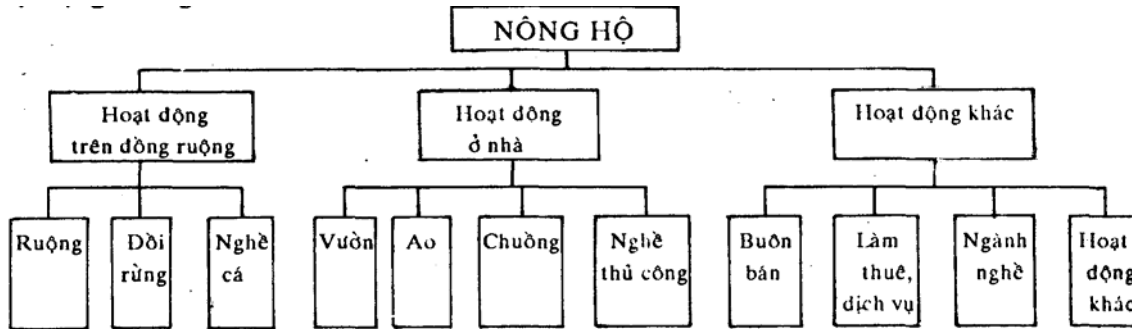
Một bộ phận nông dân (20-30%) đang giàu lên nhanh chóng. Vẫn còn 20-30% nông dân luôn ở trong tình trạng nghèo khó, trong đó khoảng 10% rất khó khăn.

*. Phó tiến sĩ Viện trưởng Viện Quy hoạch và nhà kế nông nghiệp.

** . Phó tiến sĩ, trưởng bộ môn Quy hoạch nông nghiệp viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp.

3. Cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh của nông hộ.

Hoạt động phổ biến của các nông hộ gồm hoạt động trên đồng ruộng, hoạt động ở nhà và hoạt động bên ngoài (sơ đồ).



Tuy vậy, ở mỗi vùng, đối với từng nhóm nông hộ, cơ cấu của các hoạt động khác nhau.

Nông nghiệp là hoạt động chính của dân cư nông thôn đem lại 70-90% thu nhập của các nông hộ. Trong đó trồng trọt chiếm 60-80%, chăn nuôi 10-30%. ở hầu hết các vùng, trừ một số nơi ở đồng bằng sông Cửu Long, không còn tình trạng độc canh cây lúa, mặc dù lúa vẫn là cây trồng chính. ở đồng bằng sông Cửu Long lúa vẫn chiếm 70-85% thu nhập của nông dân. Hoa màu và cây công nghiệp chiếm tỷ trọng ngày càng tăng. Chăn nuôi có xu hướng tăng và có triển vọng lớn, nhưng bị hạn chế do thiếu thị trường tiêu thụ.

Ngành tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn thời gian gần đây có xu hướng giảm, nhất là các cơ sở sản xuất tập trung do thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, yêu cầu chất lượng cao và chỉ còn chiếm 5-10% thu nhập của nông dân. Tuy vậy, các ngành nghề truyền thống, các hoạt động dịch vụ tư nhân có xu hướng tăng.

Các hoạt động buôn bán, làm thuê có xu hướng tăng, đem lại 5-15% thu nhập của các nông hộ. ở Tỉnh Gia-Thanh Hóa, các hoạt động này đem lại gần 30% thu nhập của nông hộ trong năm.

Kinh tế vườn có nhiều tiềm năng lớn, có nhiều mô hình hiệu quả cao, nhất là ở các vùng đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và các vùng ven đô thị lớn, có thể đem lại trên 30% thu nhập của hộ gia đình nông dân. Tuy vậy, nhìn chung kinh tế vườn phát triển còn chậm. các vùng đồng bằng sông Hồng, Khu IV cũ và nhiều nơi khác chưa có sự quan tâm thích đáng của nông dân. Trung bình vườn mới chỉ đem lại 5-10% thu nhập của nông hộ. Thực tế ở đồng bằng sông Hồng, Khu IV cũ và ở những nơi ruộng đất ít, đa số các hộ nông dân chỉ sử dụng hết 40-50% sức lao động trên đồng ruộng, làm ra sản phẩm chủ yếu là lương thực, đủ đáp ứng nhu cầu của bản thân gia đình họ sau khi nộp thuế và các khoản chi phí. Khoảng 30% hộ có sản phẩm hàng hóa đáng kể. Còn các khoản chi tiêu khác và tích lũy của gia đình chủ yếu do chăn nuôi và các hoạt động khác đem lại. Khả năng tự tích, lũy vốn để mở rộng sản xuất rất hạn chế và khả năng làm giàu từ sản xuất nông nghiệp cũng rất hạn chế. Mặc dù vậy bằng con đường thâm canh khai thác có hiệu quả hơn ruộng đất và lao động hiện có, nông dân vẫn có thể tăng thu nhập đáng kể, những hộ nghèo hiện đang thâm canh thấp còn có thể tăng tới gấp hơn 2 lần so với hiện nay. Hướng làm giàu lâu dài của nông dân ở vùng này là phải đi vào các ngành phi nông nghiệp (dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp...).

Ở các vùng bình quân ruộng đất cao, nông dân có nhiều sản phẩm trồng trọt làm hàng hóa và có thể thu nhập lớn từ đồng ruộng.

Ở các vùng cao nguyên, miền núi còn có thể phát triển mạnh nông nghiệp cũng như lâm nghiệp. Yếu tố hạn chế lớn ở đây là vốn, kỹ thuật và thị trường.

4. Đặc điểm các nhóm hộ.

Các hộ khá, trước hết thường có chủ hộ là người sáng tạo, năng động. Ngoài ra, một phần do họ có lao động, ruộng đất và vốn. Thời gian vừa qua, họ lại được tạo điều kiện thuận lợi. Họ được cấp nhiều ruộng đất hơn, được hưởng lợi nhiều hơn do sử dụng nhiều các loại dịch vụ và vật tư được trợ giá phân phối tỷ lệ thuận với ruộng đất. Họ lại mạnh dạn phát triển ngành nghề và các hoạt động phi nông nghiệp. ở Thanh Hóa, thu nhập phi nông nghiệp của nhóm hộ khá cao, gấp 3-4 lần nhóm nghèo. Số hộ này sẽ tiếp tục giàu lên, họ đang là những

mô hình tốt ở nông thôn. Nguyên vọng chính của các hộ này là muốn có được sự ủng hộ và khuyến khích ổn định lâu dài của Nhà nước.

Các hộ nghèo trước hết là do không biết làm ăn. Một số ít hộ do lười biếng (3-5%), neo đơn...

Các hộ này thường ít lao động so với số lượng nhân khẩu (đông con, cha mẹ già yếu), làm ăn kém, nợ nần, nên được chia ít ruộng. Không có công cụ sản xuất, không có hoặc có ít vốn. Họ thường không nắm được kỹ thuật nông nghiệp thông thường, nên làm theo cảm tính, dựa dẫm, không có kế hoạch chủ động, nên hiệu quả thấp. Họ thường dùng giống đã thoái hóa, bón phân ít chỉ bằng 40 đến 70% yêu cầu, không cân đối, các khâu chăm sóc khác cũng chỉ đảm bảo ở mức thấp. Nhiều hộ bón phân vô cơ tương đương, nhưng các khâu khác làm không đúng kỹ thuật, nên năng suất vẫn thấp hơn 1,3 - 2 lần so với các hộ khác. Hiệu quả chăn nuôi, làm vườn, ao cũng rất thấp. Họ thường đi làm thuê với ngày công rẻ vào lúc nông nhàn. Họ phụ thuộc nhiều vào hợp tác xã, họ thường nợ hợp tác xã, đa số từ "khoán 100" tới nay chưa trả được, bị tính lãi ngày một tăng. Đa số các hộ thuộc nhóm này khó có điều kiện vươn lên, một số ngày càng nợ nần nhiều hơn, nghèo đi nếu không có biện pháp hỗ trợ tích cực từ phía cộng đồng.

Các hộ trung bình sẽ tiếp tục có sự phân hóa. Một số sẽ tích lũy vốn và kinh nghiệm vươn lên làm giàu bằng cả các ngành phi nông nghiệp. Một số sẽ tiếp tục sản xuất nông nghiệp nhưng với trình độ thâm canh cao hơn, mức thu nhập khá hơn.

Để nâng cao thu nhập, các hộ nghèo và trung bình phải tiếp tục thâm canh cây trồng, vật nuôi trên cơ sở áp dụng tiến bộ kỹ thuật đã trở thành phổ thông. Chỉ cần tới các khoản đầu tư nhỏ, họ có thể nhanh ngừng tăng 30-50% năng suất cây trồng. Các hộ khá, giỏi phải đa dạng hóa sản xuất kinh doanh bằng cách phát triển sản xuất các loại nông sản hàng hóa giá trị cao, phát triển ngành nghề, dịch vụ, áp dụng các kỹ thuật mới có trình độ cao.

5. Môi trường hoạt động của nông hộ.

Hoạt động của hộ gia đình nông dân chịu sự tác động mạnh mẽ của môi trường tự nhiên, kinh tế và xã hội xung quanh, mà trực tiếp nhất là ở cấp thôn xã và huyện. Khi được tự chủ, các hộ gia đình đều cố gắng thích nghi với hoàn cảnh, sử dụng những điều kiện vật chất và kiến thức mình có để đạt tới các mục tiêu của nông hộ mà đối với phần lớn nông dân ở các vùng là đảm bảo lương thực và có thu nhập ổn định cao hơn.

- Yếu tố "môi trường" quan trọng đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động của nông dân trong một thời gian dài và hiện nay vẫn có ảnh hưởng lớn ở các tỉnh phía Bắc là hợp tác xã nông nghiệp. Từ sau Nghị quyết 10, bộ máy của hợp tác xã đã giảm nhẹ khoảng 50% hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp đã thay đổi theo hướng chủ yếu là hướng dẫn và dịch vụ cho dân, tuy vậy đa số vẫn mang nhiều dấu ấn của phương thức cũ. Phần lớn các hợp tác xã bị mất vốn do kê đọng sản phẩm trong dân, do bao cấp, do xây dựng cơ bản... nên chỉ thực hiện được các khâu hướng dẫn sản xuất, đảm bảo tưới tiêu nước và cùng với chính quyền thực hiện các chính sách xã hội. Chỉ một số hợp tác xã có thể cung ứng (nhất là ứng trước) cho dân như phân bón, giống, bảo vệ thực vật, làm đất bằng máy. Mặc dù vậy, phần lớn các hợp tác xã vẫn thu của dân theo tỷ lệ quy định nên gây thắc mắc.

Ở một số nơi ở miền núi đã giải tán hợp tác xã nông nghiệp, các khâu dịch vụ sản xuất không ai đứng ra lo, đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất, đời sống và tâm lý xã hội ở nông thôn.

Tuy thế, số đông nông dân ở các điểm điều tra ở đồng bằng sông Hồng và Khu IV cũ, duyên hải Nam Trung Bộ cho rằng cần có một tổ chức đứng ra lo chung các khâu nước, bảo vệ thực vật và cung ứng vật tư.

Trong điều kiện hiện nay, mặc dù vai trò sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp giảm sút, nhưng các hợp tác xã vẫn là nhân tố quan trọng đảm bảo sự ổn định về kinh tế, chính trị và xã hội ở nông thôn, nhất là trong vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông Hồng và Khu IV cũ.

Hiệp tác trong sản xuất là quy luật tất yếu của mỗi nền sản xuất phát triển. được thúc đẩy bởi các quy luật kinh tế. Nước ta cũng không đứng ngoài quy luật đó. Tuy nhiên, cần có hình thức tổ chức thích hợp.

Những năm gần đây đã có những thay đổi quan trọng theo hướng đúng đắn là làm cho các hợp tác xã trở thành các liên hiệp kinh tế thực sự tự nguyện của các hộ gia đình nông dân. Theo chúng tôi, để tạo tiền đề cho những cải cách triệt để tiếp theo của hệ thống hợp tác xã nông nghiệp, trước hết cần giải quyết vấn đề ruộng đất và các chính sách xã hội ở nông thôn. Thay đổi quy mô hợp tác xã nhưng không thay đổi phương thức và nội dung hoạt động, trong điều kiện hiện nay hầu như không góp phần giải quyết vấn đề.

Hệ thống dịch vụ sản xuất các cấp gồm cung ứng vật tư, nhân giống, thú y, bảo vệ thực vật, thủy nông, điện, tín dụng, thu mua... đang trong quá trình đổi mới. Phần lớn các cơ sở cũ hoạt động giảm sút hoặc gặp khó khăn, nhất là các cơ sở nhân giống, thú y, bảo vệ thực vật. Hệ thống chuyên giao kỹ thuật tới nông dân hầu như vẫn hoạt động theo cơ chế cũ và suy giảm. Sự suy yếu này đang ảnh hưởng xấu tới sản xuất của các hộ gia đình nông dân. Ở một số tỉnh phía Nam đang hình thành các cơ sở hoạt động theo phương thức mới hướng tới phục

vụ trực tiếp các hộ gia đình nông dân có hiệu quả cao. Tuy vậy, cần có sự nghiên cứu sắp xếp lại thống nhất từ Trung ương tới cơ sở cùng với việc tăng cường các cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Các chính sách kinh tế, xã hội của Nhà nước đối với nông thôn đang ảnh hưởng mạnh mẽ trực tiếp tới mỗi nông hộ. Nghị quyết 10 của Đảng đã khơi dậy sự năng động sáng tạo của khoảng 70-80% nông hộ, đã khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho họ chủ động đầu tư, áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng cường sản xuất và tăng thu nhập. Mặt khác, 20-30% hộ nghèo khó vẫn chưa tự khởi động được, và ở một số mặt còn bị ảnh hưởng (được chia ít ruộng, sự hỗ trợ giảm), do vậy vẫn khó khăn.

Đã đến lúc cần có một chính sách mới tiếp thêm nguồn động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp nói riêng và nông thôn nói chung. Trong đó các chính sách kinh tế phải gắn liền với các chính sách xã hội. Cần ưu tiên giải quyết vấn đề ruộng đất, đảm bảo công bằng hợp lý ban đầu cho mọi người dân ở nông thôn, sau đó sử dụng các quy luật kinh tế để điều chỉnh.

Nhìn chung lại, hộ gia đình nông dân ở nước ta đang trở lại thành tế bào không chỉ về mặt xã hội mà có trong sản xuất kinh doanh. Đa số là các đơn vị sản xuất nhỏ với đầy đủ các đặc trưng điển hình. Mức thu nhập của nông dân nhìn chung còn thấp, đặc biệt khoảng 10% còn nhiều khó khăn cần được cộng đồng hỗ trợ. Cần có sự điều chỉnh nhanh chóng và đồng bộ để tạo động lực mới cho các hộ gia đình nông dân và tạo điều kiện thuận lợi cho họ tự vươn lên, có chính sách hỗ trợ riêng biệt cho các hộ nghèo và nông dân ở các vùng nghèo.